

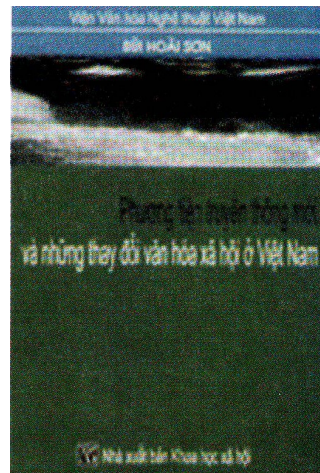
PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG MỚI VÀ NHỮNG THAY ĐỔI VĂN HÓA-XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

BÙI HOÀI SƠN. **Phương tiện truyền thông mới và những thay đổi văn hóa-xã hội ở Việt Nam.** H.: Khoa học xã hội, 2008, 329 tr.

*HOÀI PHÚC
lược thuật*

I. Vài nét về sự phát triển của các phương tiện truyền thông mới ở Việt Nam

Phương tiện truyền thông mới (PTTTM), mà 2 ví dụ tiêu biểu là điện thoại di động (ĐTDD) và Internet, dù mới xuất hiện ở Việt Nam nhưng đã nhanh chóng trở nên phổ biến và ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống xã hội. Chỉ trong vòng 12 năm, kể từ năm 1994, mạng ĐTDD đầu tiên ở Việt Nam chính thức đi vào hoạt động đã có tới 12 triệu số thuê bao được sử dụng. Việt Nam trở thành một trong những thị trường ĐTDD tăng trưởng nhanh nhất châu Á với tốc độ tăng trưởng hàng năm khoảng 50%. Internet cũng mới bắt đầu được giới thiệu tại Việt Nam, sau đó chưa đầy 10 năm đã có khoảng 14 triệu người sử dụng. Chính sự cởi mở trong đời sống xã hội cùng với tăng trưởng kinh tế cao đã tạo điều kiện cho các PTTM thâm thấu sâu hơn vào xã hội Việt Nam. Có thể nói sự phát triển vượt bậc và nhanh chóng của công nghệ



thông tin trên thế giới và việc triển khai kịp thời chúng ở Việt Nam là những nguyên nhân thúc đẩy ngành công nghệ mới ở nước ta phát triển. Chúng

ta có chậm trễ hơn một số nước trong khu vực và trên thế giới trong việc triển khai dịch vụ Internet và ĐTDD, nhưng sau đó, các công nghệ này luôn được đổi mới và theo kịp tốc độ phát triển trên thế giới, thậm chí còn tiến nhanh hơn một số nước trong khu vực.

Thị trường thông tin di động ở Việt Nam đang có sự cạnh tranh quyết liệt của rất nhiều nhà cung cấp dịch vụ ĐTDD, như: VinaPhone, MobiFone,

Viettel (sử dụng công nghệ GSM) và S-Phone, EVN Telecom (sử dụng công nghệ CDMA). Tác giả nhận định: thị trường này sẽ tiếp tục bùng nổ và đạt khoảng 40% dân số sử dụng dịch vụ vào năm 2020; các mạng di động sẽ dần chuyển hướng từ thoại sang dịch vụ giá trị gia tăng; ngoài ra các mạng di động và cố định sẽ cùng hội tụ để cung cấp các dịch vụ tiện ích cho khách hàng; việc cạnh tranh giữa các nhà cung cấp sẽ là động lực thúc đẩy sự phát triển của thị trường viễn thông Việt Nam nói chung, ĐTDD nói riêng cũng như sự đổi mới của các doanh nghiệp nhằm tạo ra một thị trường cạnh tranh lành mạnh (tr. 26-33). Bên cạnh đó, tác giả còn đề cập đến: các loại dịch vụ được sử dụng; các nhãn hiệu điện thoại được ưa dùng ở Việt Nam; các hoạt động được ưa thích khi sử dụng ĐTDD; số cuộc gọi hàng ngày; đối tượng nhận các cuộc gọi; hoạt động nhắn tin... (tr.36-47). Ngoài ĐTDD, Internet cũng được tác giả điểm qua với các yếu tố như: các nhà cung cấp; thị phần kênh Internet trực tiếp quy đổi tốc độ 64Kbps; thị phần thuê bao ADSL; thị phần thuê bao gián tiếp trả sau; những khách hàng chủ yếu; địa điểm sử dụng; thời gian sử dụng; những hoạt động được ưa thích trên mạng. Theo đánh giá của tác giả, việc sử dụng Internet đã trở thành một thói quen của người dân Việt Nam, đặc biệt ở những người trẻ tuổi và người dân đô thị (tr.52-58).

II. Một số phương diện lý thuyết trong việc nghiên cứu phương tiện truyền thông mới ở Việt Nam

Điểm qua một vài quan điểm lý thuyết cũng như những ảnh hưởng được xem là chung nhất mà các nghiên cứu

về PTTTM đã đề cập đến với mục đích giúp ích cho việc nghiên cứu tại Việt Nam, tác giả nêu lên những ví dụ điển hình sau đây:

Một là, tác động giữa các *PTTTM* và *quá trình cá nhân hóa*. Ảnh hưởng quan trọng nhất của các PTTTM đối với văn hóa nói riêng, các lĩnh vực khác của đời sống xã hội nói chung là thúc đẩy quá trình cá nhân hóa trên mọi lĩnh vực. Theo tác giả, cá nhân hóa có thể có lợi hoặc có hại. Trong một môi trường văn hóa, ai cũng muốn thể hiện cái tôi của mình sẽ khiến những trật tự tập thể bị vi phạm, nhưng điều đó lại kích thích sự năng động của cá nhân. Với bối cảnh xã hội hiện thời, việc đề cao tính năng động của cá nhân đang được đánh giá cao hơn việc duy trì các trật tự tập thể, đặc biệt là trong giới trẻ. Tác giả còn nhận định, trong tương lai, “các phẩm mềm giúp thể hiện cái tôi sẽ ngày càng phổ biến do nó đáp ứng đúng nhu cầu cá nhân hóa đang chiếm lĩnh thế giới mà chúng ta đang sống. Thời đại ngày nay là thời đại của các cá nhân. Chưa bao giờ thế giới này có nhiều cá nhân như bây giờ, theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng” (tr. 60-65).

Hai là, làm thay đổi *vòng xoáy của sự im lặng*. “Vòng xoáy của sự im lặng” thực ra đề cập đến xu hướng giữ im lặng của con người khi họ cảm thấy quan điểm của mình là thiểu số. Các PTTTM ra đời đã giúp loại bỏ một phần lớn “vòng xoáy của sự im lặng” vốn tồn tại dai dẳng suốt lịch sử phát triển của loài người, giúp cho tất cả mọi người có cơ hội nói lên những tâm tư, nguyện vọng và ý tưởng của mình, bất chấp ý kiến của họ có được xã hội chấp nhận hay không. Tác giả minh chứng cho điều đó

bằng một loạt các ví dụ về ý kiến thiếu số trở thành công luận, như: cuộc tập hợp xã hội để lật đổ Tổng thống Philipinnes Joseph Estrada, bầu cử Tổng thống Hàn Quốc Roh Moo-huyn, cuộc đình công tại Thiên An Môn (Trung Quốc) tháng 5/2007 để phản đối một công ty hóa chất... (tr. 68). Một ví dụ nữa về vai trò của các PTTTM trong việc xóa bỏ “vòng xoáy của sự im lặng” là sự phát triển mạnh mẽ của blog, bởi nó đáp ứng những nhu cầu xã hội nhất định, trong đó có nhu cầu thể hiện bản thân và tìm kiếm thông tin đa chiều. Một blog nổi tiếng cũng có khả năng định hướng dư luận xã hội tương tự như vai trò của các phương tiện truyền thông đại chúng. Từ các ví dụ nêu trên, tác giả đi đến khẳng định: Sự lên tiếng của thiểu số, với sự giúp đỡ của các PTTTM, sẽ giúp xã hội trở nên dân chủ hơn (cho dù mặt trái của nó sẽ khiến xã hội hỗn loạn hơn khi có quá nhiều thông tin). Tuy nhiên, không phải “vòng xoáy của sự im lặng” đã được xóa bỏ hoàn toàn, mà giờ đây, những người không thể tiếp cận được với công nghệ số và các PTTTM lại trở thành những người rơi vào chính “vòng xoáy của sự im lặng” này (tr. 69).

Ba là, sự ra đời của *một không gian và thế giới số và ảo*. Đó chính là yếu tố quan trọng nhất mà các PTTTM như Internet và ĐTDD mang lại cho người sử dụng. Chính không gian số và ảo đã khiến cho người sử dụng trở nên mạnh dạn và tự tin hơn trong các giao tiếp của mình, giúp họ thể hiện bản thân và “cái tôi” của mình trước xã hội. Trong thế giới ảo, con người có thể bộc lộ bản thân một cách dễ dàng, có thể chia sẻ những

tâm tư, tình cảm thầm kín mà đôi khi khó thể hiện trong đời thực. Giao tiếp ảo có khả năng giúp tái lập thăng bằng tâm lý-xã hội-văn hóa cho người sử dụng, tuy nhiên chúng cũng có những tác động tiêu cực nhất định, như: con người dễ bê trễ trong công việc nếu bị lôi cuốn quá mức; bị ảnh hưởng về ngôn ngữ; đặt mục đích của thế giới ảo cao hơn mục đích ngoài thực tế; coi đời sống thực như thế giới ảo; đặc biệt là làm tăng các giao tiếp ảo, giảm các giao tiếp trực tiếp... (tr. 70-72).

Bốn là, làm cho thế giới trở thành *không biên giới*. Công nghệ thông tin và các PTTTM chính là một trong những nhân tố làm “phẳng thế giới”, thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa ở mọi ngõ ngách của cuộc sống. Bằng chứng là: với một máy tính nối mạng, người ta có thể biết mọi việc xảy ra trên thế giới và liên lạc với bạn bè ở bất cứ đâu; với một ĐTDD, người ta có thể giữ được liên lạc bất kỳ lúc nào... Cũng nhờ các công nghệ truyền thông mới, đặc biệt là Internet, nhiều nền văn hóa ít được biết đến đã trở nên phổ biến hơn, mọi nền văn hóa hay mọi cá nhân đều có thể có tiếng nói trên mạng để nhận được sự lắng nghe của mọi người. Như vậy, nhờ xóa bỏ được biên giới quốc gia thông qua các PTTTM và giao thông thuận tiện, các cá nhân có thể cho phép mình năng động hơn, đặc biệt trong công việc.

III. Phương tiện truyền thông mới và những thay đổi văn hóa-xã hội ở Việt Nam

Đề cập đến những thay đổi văn hóa-xã hội dưới ảnh hưởng của các PTTTM, tác giả Bùi Hoài Sơn tập trung vào 12 điểm được xem là cơ bản nhất, cụ thể là:

Thứ nhất, *sự thay đổi trong giao tiếp của cá nhân và xã hội*. Tác giả cho rằng, ảnh hưởng rõ ràng nhất của các PTTM là làm gia tăng giao tiếp xã hội và giữa các cá nhân. Những tác động tích cực được tác giả kể đến là: giúp các cá nhân có thông tin nhanh hơn, luôn duy trì được giao tiếp với những người có liên quan; khắc phục khoảng cách không gian và thời gian trong liên lạc; việc liên lạc thuận tiện, rẻ và nhanh hơn; tốc độ giao tiếp nhanh hơn; cách thức giao tiếp cũng thay đổi (như: việc giải quyết các giấy tờ hải quan, mua bán qua mạng, tổ chức các cuộc họp trực tuyến...). Tuy nhiên, mặt trái của nó là: làm giảm đi tính thân mật trong giao tiếp giữa các cá nhân, gia đình và xã hội; là nguyên nhân gây nên cảm giác bị cô lập ở một số cá nhân (cụ thể hơn: những người có các PTTM này thường có quan hệ chặt chẽ với nhau hơn là giữa những người có và những người không sở hữu/tiếp cận được với các PTTM) (tr.72-80). Từ đó, tác giả khẳng định: PTTM có thể coi là cánh tay nối dài cho các giao tiếp cá nhân và xã hội, làm cho các giao tiếp ấy hiệu quả hơn; tuy nhiên, công nghệ luôn mang tính trung tính nên mức độ tác động tốt xấu đến đâu là tùy thuộc vào cách sử dụng của con người.

Thứ hai, *"cái tôi" trong xã hội gia tăng*. Có thể nói, các PTTM chính là chất xúc tác cho sự gia tăng "cái tôi" của người sử dụng. Sự phát triển của kinh tế cũng như quá trình hoà nhập nhanh chóng với đời sống chính trị, văn hoá, xã hội thế giới khiến đời sống văn hoá của người dân Việt Nam, đặc biệt là người dân ở các đô thị, cũng có nhiều thay đổi,

vai trò của cá nhân ngày càng được đề cao. Dưới tác động của các PTTM, cá nhân ngày càng ý thức hơn về bản thân mình thông qua các tương tác với người khác bằng phương tiện riêng, địa chỉ riêng, tên riêng của chính bản thân mình. "Cái tôi" mà tác giả đề cập ở đây liên quan đến những phong cách riêng, ý muốn thể hiện "đẳng cấp" riêng của mỗi người khi sử dụng một loại thiết bị truyền thông nào đó, trong đó tác giả đặc biệt chú trọng đến 3 hiện tượng hiện đang thu hút sự quan tâm của xã hội, đó là: hiện tượng viết blog; sự phổ biến của phần mềm YouTube; và việc sử dụng ĐTDD để giữ thể diện. Về vấn đề này, tác giả kết luận: "Đời sống văn hoá của người dân chịu ảnh hưởng nhiều khi con người quá chú trọng vào cái tôi của mình. Khi người ta quá quan tâm đến bản thân mình, họ sẽ trở nên ích kỷ và lãng quên những lợi ích tập thể" (tr. 86-107).

Thứ ba, *sự thay đổi của không gian xã hội và cá nhân*. Sự mở rộng của các không gian mang tính cá nhân, can thiệp vào các không gian công cộng, tập thể là một trong những thay đổi mà các PTTM, đặc biệt là ĐTDD, mang lại cho con người. Theo quan niệm truyền thống của người Việt Nam, một người ở nơi công cộng cần phải tôn trọng những nguyên tắc nhất định nào đó. Nhưng từ khi xuất hiện các PTTM, những nguyên tắc này đã phần nào bị xáo trộn, gây ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống văn hoá-xã hội ở Việt Nam. Nhiều cá nhân tự cho phép mình thực hiện giao tiếp cá nhân trong những địa điểm công cộng. Đáng báo động hơn nữa là nhiều người xem đó như một biểu hiện cho tính cách của mình, một hình thức khoe

khoang có chủ ý. Tuy nhiên, với ĐTDD và Internet, mọi người có nhiều không gian riêng tư, tránh khỏi những giám sát của xã hội và gia đình. Không gian mạng, ảo là những không gian cá nhân để mỗi người có thể giải trí, xả stress và làm những gì họ muốn. ĐTDD làm tan biến mối quan hệ giữa riêng/chung, người thân/người lạ thành một thế giới ảo điện tử (tr. 108-110). Nhưng tác giả cũng khẳng định, không chỉ cá nhân mới can thiệp vào các không gian xã hội, mà theo tác giả, sự can thiệp của cộng đồng, xã hội vào đời sống riêng tư của cá nhân từ những ứng dụng của các PTTTM cũng ngày càng rõ nét.

Thứ tư, *sự thay đổi của giải trí*. Do có các PTTTM, con người trở nên bận rộn hơn rất nhiều, trong đó có cả bận rộn tích cực lẫn tiêu cực. Tiêu cực ở chỗ: khi đã lạc lối vào Internet thì khó mà thoát ra được; một bộ phận giới trẻ đã say mê những trò chơi mới mà sao nhãng công việc và học tập; truyền thống văn hoá có thể bị mai một khi nhiều người quá ham thích các loại hình giải trí mới; tính cá nhân ngày càng lớn khiến con người trở nên ích kỷ; xuất hiện hàng loạt những chứng bệnh liên quan đến ngồi và tiếp xúc với máy vi tính... Còn tích cực là ở chỗ: nhiều trò chơi online rất phù hợp với nhiều nhóm đối tượng khác nhau, cả những người yêu thích những thách thức, tư duy phân tích logic hay những người ham mê thể thao, ưa bạo lực... Nhưng lợi ích lớn nhất mà các PTTTM đem lại cho sự thay đổi của các hình thức giải trí, theo tác giả, chính là khả năng tương tác cao giữa người chơi và người cung cấp dịch vụ. Sự thay đổi của giải trí mà tác giả

đề cập ở đây được thể hiện trên hai phương diện chính: các phương tiện kỹ thuật tạo nên những thay đổi trong cách thức giải trí; nhu cầu của người sử dụng quyết định những thay đổi trong công nghệ (tr. 113-115).

Thứ năm, *dân chủ hoá đời sống xã hội*. Những nỗ lực của Đảng và Nhà nước trong quá trình đổi mới toàn diện xã hội, quá trình toàn cầu hoá và hội nhập chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước, những đòi hỏi của người dân đối với việc tham gia của họ vào quá trình quản lý, điều hành đất nước - đó là những nguyên nhân quan trọng của quá trình dân chủ hoá ở nước ta. Tuy nhiên, một nhân tố không thể không kể đến là vai trò của các PTTTM. Tác giả khẳng định: cùng với các phương tiện truyền thông đại chúng, các PTTTM cũng góp phần tích cực vào công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tới đông đảo quần chúng nhân dân; đồng thời đưa tiếng nói, nguyện vọng của người dân đến các cấp chính quyền; tích cực, chủ động đưa ra ánh sáng những vụ việc tiêu cực, tham nhũng nghiêm trọng trong xã hội; là cơ quan giám sát quan trọng trong hoạt động điều hành của các cơ quan công quyền... Điểm đặc biệt của các PTTTM được tác giả nhấn mạnh là: cách thức giao tiếp của các PTTTM mang tính tương tác và hai chiều. Người dân có thể phản ánh trực tiếp ý kiến, nguyện vọng của mình và được lắng nghe trực tiếp từ những người có liên quan - đó là biểu hiện của dân chủ hoá xã hội (tr.130-131).

Thứ sáu, *sự hỗn loạn của thông tin và việc hình thành các tiểu văn hoá*. Các thông tin được đưa lên mạng hầu hết

đều không qua kiểm duyệt nên thị trường thông tin trên Internet được tác giả nhận định là rất hỗn loạn, khó có thể phân biệt được tính thật giả (trừ phi chúng được đăng tải bởi các tổ chức uy tín). Việc tìm kiếm thông tin trên Internet đang ngày càng phổ biến và thu hút sự tham gia của nhiều người, từ đó cũng phát sinh rất nhiều vấn đề, như: thay đổi thói quen tra cứu và sử dụng tài liệu; thông tin nhiễu loạn ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình hình thành nhân cách trong giới trẻ; hình thành nên các nhóm và các tiểu văn hoá trên mạng (tr.139-143).

Thứ bảy, *thay đổi cách truyền đạt tri thức trong xã hội*. Các công nghệ mới không chỉ tạo ra những ngành học mới, những mối quan tâm, nghiên cứu mới mà còn tạo ra những thay đổi trong cách thức học hỏi của xã hội. Kinh nghiệm không còn giữ vai trò then chốt trong việc giảng dạy cũng như học tập, cách học và tìm kiếm thông tin quan trọng hơn nhiều. Cách hướng dẫn học tập, theo đó, cũng phải thay đổi cho phù hợp. Không những thế, cách tư duy một chiều cũng không còn thích hợp khi có quá nhiều luồng thông tin đa chiều về mọi hiện tượng, mọi vấn đề trên Internet khiến học sinh không còn tin tưởng vào những thông tin giáo điều, một chiều như trước kia. Tác giả nhấn mạnh, học và làm việc với máy vi tính là những kỹ năng mới, cần thiết cho học sinh Việt Nam nếu không muốn kéo dài khoảng cách số với các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Ngoài ra, việc sử dụng các PTTT (chủ yếu là Internet) cũng giúp thay đổi cách tư duy của học sinh (tr.145-147).

Thứ tám, *khoảng cách số trong xã hội*. Khoảng cách số được hiểu là mức độ tiếp cận khác nhau giữa những nhóm người đối với các công nghệ số, từ đó dẫn đến những lợi nhuận và các khó khăn khác nhau do việc tiếp cận này mang lại. Sự xuất hiện của các PTTT tạo ra những nhóm xã hội khác nhau liên quan đến việc sử dụng các phương tiện truyền thông này, từ đó tạo ra khoảng cách số trong xã hội Việt Nam hiện nay. Ở Việt Nam, nó tồn tại giữa các cá nhân, giữa các thế hệ, trong mỗi gia đình, vùng miền và cả xã hội, từ đó ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống văn hóa-xã hội. Và nó cũng chính là nguyên nhân của những xung đột xã hội giữa các nhóm (tr.149-154).

Thứ chín, *những hình thức phạm tội mới nảy sinh*. Việc xuất hiện các PTTT ở Việt Nam cũng tạo điều kiện cho các tệ nạn xã hội lan tràn. Những loại tội phạm mới, điển hình được tác giả đề cập có liên quan đến: lừa đảo, tống tiền, phát tán phim có nội dung liên quan đến tình dục, môi giới mại dâm, khủng bố tinh thần qua tin nhắn, kích thích bạo lực, tin tặc, virus máy vi tính, xuyên tạc nội dung các tác phẩm văn học-ngệ thuật... (tr.155-165).

Thứ mười, *thay đổi cách thức kinh doanh, cung cấp dịch vụ*. Thương mại điện tử được tác giả nhận định là một loại hình kinh doanh mới đang ngày một phát triển dưới ảnh hưởng của các PTTT. Nó giúp người mua sắm có khả năng chọn lựa không giới hạn giữa sản phẩm này với sản phẩm khác, có thể nhìn một mặt hàng dưới nhiều góc độ, làm rút ngắn thời gian, xóa bỏ ranh giới của không gian. Loại hình này tác động

không nhỏ đến sự thay đổi văn hoá-xã hội ở nước ta. Một số thói quen kinh doanh, thói quen trong các ngành dịch vụ cũng thay đổi, đồng thời, nhiều thói quen xã hội cũng nảy sinh cùng với sự xuất hiện và ứng dụng của các PTTM (tr.168-171).

Thứ mười một, *những nhu cầu mới, lối sống mới, những ngôn ngữ mới*. Sự xuất hiện của các PTTM dẫn tới sự bắt đầu của chu trình: dịch vụ mới→nhu cầu mới→lối sống mới→thói tật mới. Nhu cầu thể hiện "cái tôi" và nhu cầu đối với các loại hình giải trí ngày càng cao; lối sống "phô diễn" ngày một rõ ràng; thói quen tiêu dùng, những sinh hoạt xã hội cũng như cá nhân đang dần thay đổi; ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày bị thay thế bằng những ngôn ngữ khó hiểu, thậm chí còn có thể nói là đang làm méo mó tiếng Việt... (tr.171-185).

Cuối cùng là *những thay đổi trong tâm lý cá nhân*. Dưới ảnh hưởng của các PTTM, một thế giới số và ảo đang được hình thành bên cạnh thế giới thực mà chúng ta đang sống. Thế giới đó "tác động mạnh mẽ đến tâm lý các cá nhân trong xã hội, củng cố thêm lý thuyết hậu hiện đại trong quan niệm về con người và xã hội. Nhiều chân lý và nhiều cách giải thích khác nhau cùng tồn tại và buộc con người phải lựa chọn nếu không muốn bị lạc lối trong thế giới thông tin không định hướng". Tác giả còn nêu một số ý kiến cho rằng, ngoài số ít các tác động tích cực, các PTTM hầu như tác động tiêu cực đến sự hình thành nhân cách, đặc biệt ở một bộ phận giới trẻ.

Thậm chí một số người còn trở nên trầm cảm, xa cách với những người xung quanh, gặp khó khăn trong giao tiếp với người khác... (tr.189-193).

Ngoài việc phân tích 12 sự thay đổi cơ bản về văn hoá-xã hội ở Việt Nam dưới tác động của các PTTM, tác giả còn dự báo những xu hướng phát triển của các PTTM có ảnh hưởng đến đời sống văn hoá-xã hội, như: Sự phổ biến rộng rãi của Internet và ảnh hưởng lan xa đến nhiều lĩnh vực hoạt động, nhiều tầng lớp xã hội; Xuất hiện nhiều chương trình giải trí có mục đích quảng bá cho việc sử dụng các PTTM; ĐTDĐ giảm tầm quan trọng như một vật trang trí; Nhiều chức năng được tích hợp trong ĐTDĐ; Nhiều dịch vụ mới ra đời; Công nghệ truyền thông mới và các ứng dụng của chúng có ảnh hưởng sâu rộng trong mọi lĩnh vực hoạt động tạo nên cả những tác động tích cực lẫn tiêu cực; Những tranh chấp liên quan đến các PTTM trong xã hội gia tăng; Ảnh hưởng của lối sống quen sử dụng các PTTM lan truyền đến nông thôn; Những tác động có hại đến sức khoẻ của các PTTM ngày càng được quan tâm (tr.198-205).

Trên cơ sở tất cả các phân tích ở trên, tác giả đi đến khẳng định, sự biến đổi văn hoá-xã hội ở Việt Nam không chỉ bắt nguồn từ các PTTM, nhưng rõ ràng các PTTM chính là những dự báo cụ thể nhất cho những biến đổi đó. Đồng thời, tác giả cũng đưa ra một số giải pháp cho việc sử dụng các PTTM, trong đó có các giải pháp về chính sách, truyền thông và giáo dục.